

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
NGÀNH THIẾT KẾ THỜI TRANG

(Ban hành tại Quyết định số.....ngày..... của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật
Thành phố Hồ Chí Minh)

(Áp dụng cho khóa 2024)

Tên chương trình: THIẾT KẾ THỜI TRANG

Ngành đào tạo: THIẾT KẾ THỜI TRANG

Tên tiếng Anh: FASHION DESIGN

Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC

Mã số: 7210404

Hình thức đào tạo: CHÍNH QUY

TP. Hồ Chí Minh 5/2025

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình: THIẾT KẾ THỜI TRANG

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: THIẾT KẾ THỜI TRANG

Mã ngành: 7210404

Hình thức đào tạo: CHÍNH QUY

Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân

(Ban hành tại Quyết định số.....ngày.....của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)

1. Thời gian đào tạo: 04 năm

2. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp phổ thông trung học

3. Thang điểm, quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thang điểm: 10

Quy trình đào tạo: Theo quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo quyết định số 17/VBHN-BGDĐT

Điều kiện tốt nghiệp: Theo quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo quyết định số 17/VBHN-BGDĐT

4. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

Mục đích (Goals)

Chương trình đào tạo ngành Thiết kế thời trang nhằm đào tạo ra những cử nhân có đầy đủ các kiến thức chuyên ngành thiết kế thời trang để thiết kế và phát triển sản phẩm thời trang, có kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm, luôn sáng tạo không ngừng và có thái độ nghề nghiệp phù hợp đáp ứng được các yêu cầu phát triển của các doanh nghiệp may mặc thời trang và xã hội

Mục tiêu đào tạo (Objectives)

Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực:

1. Kiến thức và giải quyết vấn đề kỹ thuật
2. Phẩm chất và kỹ năng cá nhân và chuyên nghiệp
3. Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm
4. Hình thành, thiết kế, triển khai và vận hành các hệ thống trong bối cảnh doanh nghiệp, xã hội và môi trường

Chuẩn đầu ra (Program outcomes)

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
1.	KIẾN THỨC VÀ GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ KỸ THUẬT	
1.1.	Xác định và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực thiết kế trang thông qua việc ứng dụng kiến thức khoa học tự nhiên, văn hoá xã hội, mỹ thuật, kỹ thuật và kinh tế	4.0
2.	PHẨM CHẤT VÀ KỸ NĂNG CÁ NHÂN VÀ CHUYÊN NGHIỆP	
2.1.	Nghiên cứu và thực nghiệm khám phá kiến thức; phân tích và giải thích dữ liệu, đồng thời đánh giá kỹ thuật để đưa ra kết luận trong lĩnh vực thiết kế thời trang	5.0
2.2.	Hình thành đạo đức và thái độ nghề nghiệp trong bối cảnh lịch sử, văn hóa xã hội, hoạt động kinh doanh liên quan đến lĩnh vực thiết kế thời trang	3.0
2.3.	Hình thành thái độ học tập chủ động, tư duy sáng tạo phù hợp với thực tiễn	3.0
3.	KỸ NĂNG GIAO TIẾP VÀ LÀM VIỆC THEO NHÓM	
3.1.	Hợp tác hiệu quả với nhiều vai trò khác nhau	3.0
3.2.	Giao tiếp hiệu quả với nhiều đối tượng và đa dạng phương tiện, thực nghiệm hiệu quả tiếng Anh trong học tập	4.0
4.	HÌNH THÀNH THIẾT KẾ, TRIỂN KHAI VÀ VẬN HÀNH CÁC HỆ THỐNG TRONG BỐI CẢNH DOANH NGHIỆP, XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG	
4.1.	Thiết kế được các dự án thời trang phù hợp với doanh nghiệp, văn hóa, xã hội, môi trường và kinh tế	5.0
4.2.	Triển khai được các dự án thiết kế thời trang	5.0
4.3.	Vận hành và quản lý các dự án thiết kế thời trang	5.0

Thang trình độ năng lực

Trình độ năng lực		Mô tả ngắn
$0.0 \leq \text{TĐNL} \leq 1.0$	Cơ bản	Nhớ: Sinh viên ghi nhớ/ nhận ra/ nhớ lại được kiến thức bằng các hành động như định nghĩa, nhắc lại, liệt kê, nhận diện, xác định,...
$1.0 < \text{TĐNL} \leq 2.0$	Đạt yêu cầu	Hiểu: Sinh viên tự kiến tạo được kiến thức từ các tài liệu, kiến thức bằng các hành động như giải thích, phân loại, minh họa, suy luận, ...
$2.0 < \text{TĐNL} \leq 3.0$		Áp dụng: Sinh viên thực hiện/ áp dụng kiến thức để tạo ra các sản phẩm như mô hình, vật thật, sản phẩm mô phỏng, bài báo cáo,...

$3.0 < \text{TĐNL} \leq 4.0$	Thành thạo	Phân tích: Sinh viên phân tích tài liệu/ kiến thức thành các chi tiết/ bộ phận và chỉ ra được mối quan hệ của chúng tổng thể bằng các hành động như phân tích, phân loại, so sánh, tổng hợp,...
$4.0 < \text{TĐNL} \leq 5.0$		Đánh giá: SV đưa ra được nhận định, dự báo về kiến thức/ thông tin theo các tiêu chuẩn, tiêu chí và chỉ số đo lường đã được xác định bằng các hành động như nhận xét, phản biện, đề xuất,...
$5.0 < \text{TĐNL} \leq 6.0$	Xuất sắc	Sáng tạo: SV kiến tạo/ sắp xếp/ tổ chức/ thiết kế/ khái quát hóa các chi tiết/ bộ phận theo cách khác/ mới để tạo ra cấu trúc/ mô hình/ sản phẩm mới.

5. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 130 tín chỉ (không bao gồm khối kiến thức Ngoại ngữ, Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng)

Đối với kiến thức Ngoại ngữ: Sinh viên cần phải đạt 02 học phần ngoại ngữ:

- Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh 1 (ENCS140026) – 04 tín chỉ
- Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh 2 (ENCS240026) – 04 tín chỉ

6. Phân bổ khối lượng các khối kiến thức

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ
KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		50
A. Khối kiến thức bắt buộc		39
I. Lý luận chính trị + Pháp luật		13
1	Triết học Mác - Lênin	3
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2
6	Pháp luật đại cương	2
II. Toán học và KHTN		23
1.	Toán ứng dụng	3
2.	Xử lý chất liệu	4(1+3)
3.	Lịch sử trang phục 1	2
4.	Lịch sử trang phục 2	2
5.	Hình họa cơ bản	3(1+2)
6.	Vẽ mỹ thuật căn bản	3(1+2)
7.	Vẽ minh họa thời trang cơ bản	3(1+2)
8.	Lịch sử mỹ thuật	3
III. Nhập môn ngành		3(2+1)
B. Khối kiến thức tự chọn		11

IV. Tin học		3
1.	Tin học ứng dụng (Adobe Illustrator)	3(1+2)
V. Khoa học xã hội nhân văn (theo danh mục)		6
VI. Toán học và KHTN		0
VII. Khác (khoa đề xuất)		2
C. Khối kiến thức NN + GDTC + GDQP		
VIII. Ngoại ngữ		
1.	Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh 1	4(*)
2.	Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh 2	4(*)
IX. Giáo dục thể chất		
1.	Giáo dục thể chất 1 (bắt buộc)	1(*)
2.	Giáo dục thể chất 2 (tự chọn)	1(*)
3.	Giáo dục thể chất 3 (tự chọn)	1(*)
X. Giáo dục quốc phòng		4(*)
KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGHIỆP A (định hướng công nghệ)		80
Cơ sở ngành		18
Chuyên ngành		39
Thí nghiệm, thực tập, thực hành		14
Thực tập tốt nghiệp		2
Khóa luận tốt nghiệp		7
KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGHIỆP B (định hướng mỹ thuật sáng tạo)		80
Cơ sở ngành		18
Chuyên ngành		37
Thí nghiệm, thực tập, thực hành		16
Thực tập tốt nghiệp		2
Khóa luận tốt nghiệp		7

(*) Các môn thuộc khối kiến thức Ngoại ngữ, Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng là các môn bắt buộc, và không tính trong số tín chỉ tích lũy của chương trình.

Định hướng chuyên sâu công nghệ (A)

Tên	Số tín chỉ		
	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn
Kiến thức giáo dục đại cương (I)	50	39	11
Lý luận chính trị + pháp luật	13	13	0
Toán và KHTN	23	23	0
Khoa học và xã hội nhân văn	6	0	6
Nhập môn ngành TKTT	3(2+1)	3(2+1)	0
Tin học (khoa đề xuất nội dung)	3(1+2)	0	3(1+2)
Khác (do khoa đề xuất)	2	0	2
Giáo dục thể chất	3(*)	1(*)	2(*)
Giáo dục quốc phòng	4(*)	4(*)	0
Ngoại ngữ	8(*)	8(*)	0
Khối kiến thức chuyên nghiệp (II)	80	68	12

Cơ sở ngành	18	16	2
Chuyên ngành	39	29	10
Thí nghiệm, thực tập, thực hành	14	14	0
Thực tập tốt nghiệp	2	2	0
Khóa luận tốt nghiệp	7	7	0
Tổng cộng (I + II)	130	107	23

(*) Các môn thuộc khối kiến thức Ngoại ngữ, Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng là các môn bắt buộc, và không tính trong số tín chỉ tích lũy của chương trình.

Định hướng chuyên sâu mỹ thuật sáng tạo (B)

Tên	Số tín chỉ		
	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn
Kiến thức giáo dục đại cương (I)	50	39	11
Lý luận chính trị + pháp luật	13	13	0
Toán và KHTN	23	23	0
Khoa học và xã hội nhân văn	6	0	6
Nhập môn ngành TKTT	3(2+1)	3(2+1)	0
Tin học (khoa đề xuất nội dung)	3(1+2)	0	3(1+2)
Khác (do khoa đề xuất)	2	0	2
Giáo dục thể chất	3(*)	1(*)	2(*)
Giáo dục quốc phòng	4(*)	4(*)	0
Ngoại ngữ	8(*)	8(*)	0
Khối kiến thức chuyên nghiệp (II)	80	68	12
Cơ sở ngành	18	16	2
Chuyên ngành	37	27	10
Thí nghiệm, thực tập, thực hành	16	16	0
Thực tập tốt nghiệp	2	2	0
Khóa luận tốt nghiệp	7	7	0
Tổng cộng (I + II)	130	107	23

(*) Các môn thuộc khối kiến thức Ngoại ngữ, Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng là các môn bắt buộc, và không tính trong số tín chỉ tích lũy của chương trình.

7. Nội dung chương trình

A – Phần bắt buộc

7.1. Kiến thức giáo dục đại cương

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	LLCT130105	Triết học Mác - Lênin	3	
2.	LLCT120205	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	LLCT130105
3.	LLCT120405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	LLCT130105
4.	LLCT120314	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	LLCT130105
5.	LLCT220514	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	LLCT130105 LLCT120205 LLCT120405 LLCT120314
6.	GELA220405	Pháp luật đại cương	2	
7.	MATH133401	Toán ứng dụng	3	
8.	MAHA241452	Xử lý chất liệu	4(1+3)	

				Tách nhóm TH
9.	ARTH130152	Lịch sử mỹ thuật	3	
10.	WCHI120252	Lịch sử trang phục 1	2	
11.	ECHI220352	Lịch sử trang phục 2	2	
12.	BDRA130852	Hình họa cơ bản	3(1+2)	Tách nhóm TH
13.	BADR140552	Vẽ mỹ thuật căn bản	3(1+2)	Tách nhóm TH
14.	BAIL131052	Vẽ minh họa thời trang cơ bản	3(1+2)	Tách nhóm TH
15.	ITFD130352	Nhập môn ngành TKTT	3(2+1)	
Tổng			39	
16.	ENCS140026	Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh 1	4(*)	
17.	ENCS240026	Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh 2	4(*)	
18.	PHED110130	Giáo dục thể chất 1 (điền kinh)	1(*)	
19.		Giáo dục thể chất 2 (tự chọn)	1(*)	
20.		Giáo dục thể chất 3 (tự chọn)	1(*)	
21.		Giáo dục quốc phòng (1, 2, 3, 4)	4(*)	

Lưu ý:

- Học phần (*) không tính trong số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo nhưng sinh viên phải đạt mới đủ điều kiện xét tốt nghiệp.

- Đối với học phần tự chọn **Giáo dục thể chất 2 và 3**, sinh viên chọn 2 trong số 9 học phần sau: 1) Bóng đá - Football (FOOT112330); 2) Bóng chuyền - Volleyball (VOLL112330), 3) Bóng rổ - Basketball (BASK112330), 4) Cầu lông - Badminton (BADM112330), 5) Quần vợt - Tennis (TENN112330), 6) Không thủ đạo - Karate (KARA112330), 7) Cờ vua - Chess (CHES112330), 8) Cờ tướng - Chinese chess (CHIN112330), và 9) Yoga (YOGA112330)

- Học phần **Giáo dục quốc phòng 1, 2, 3 và 4** sẽ được bố trí phù hợp với lịch học của sinh viên vào đợt 1 hoặc đợt 2 của học kỳ 1 và học kỳ 2.

7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

7.2.1. Kiến thức cơ sở nhóm ngành và ngành

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	BSPM241252	Thiết kế rập căn bản	4(1+3)	
2.	PRVI220752	Nguyên lý thị giác	2(1+1)	
3.	FUFA220452	Nền tảng thiết kế thời trang	2(1+1)	BAIL131052, TDFF121552
4.	IDDE221252	Nghiên cứu phát triển ý tưởng TKTT	2(1+1)	BAIL131052, TDFF121552
5.	FAMA131152	Vật liệu thời trang	3	
6.	AADR230652	Vẽ mỹ thuật nâng cao	3(1+2)	BADR140552, Tách nhóm TH
Tổng			16	

7.2.2.a Kiến thức chuyên ngành (cho các học phần lý thuyết và thí nghiệm)

A. Định hướng công nghệ

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
Chuyên ngành lý thuyết				

1.	TDF121552	Vẽ kỹ thuật thiết kế thời trang	2(1+1)	Tách nhóm TH
2.	ADPM241652	Thiết kế rập nâng cao	4(1+3)	BSPM241252
3.	FDDF341752	Thiết kế thời trang trên dressform	4(1+3)	Tách nhóm TH
4.	CAFD341852	Thiết kế rập trên máy tính	4(1+3)	ADPM241652
5.	ACDE321952	Thiết kế phụ trang	2(1+1)	FUFA220452, AADR230652, BSPM241252
6.	FAPR322052	Đồ án thiết kế thời trang nam	2	
7.	FAPR322152	Đồ án thiết kế thời trang nữ	2	
8.	UNID324652	Thiết kế đồng phục	2(1+1)	ADPM241652
9.	FMAK433652	Marketing thời trang	3	
10.	FSOR332652	Tổ chức show diễn	3(2+1)	
11.	PRST312952	Chuyên đề thực tế	1	
12.	SEMI310026	Chuyên đề doanh nghiệp	1(*)	
Tổng			29	

B. Định hướng mỹ thuật sáng tạo

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
Chuyên ngành lý thuyết				
1.	TDF121552	Vẽ kỹ thuật thiết kế thời trang	2(1+1)	Tách nhóm TH
2.	ADPM241652	Thiết kế rập nâng cao	4(1+3)	BSPM241252
3.	CODW330952	Hình họa màu	3(1+2)	PADW223152
4.	CWRM423252	Sáng tạo tác phẩm vật liệu thời trang tái chế	2	AADR230652 PADI331152
5.	FDDF341752	Thiết kế thời trang trên dressform	4(1+3)	Tách nhóm TH
6.	ACDE321952	Thiết kế phụ trang	2(1+1)	FUFA220452, AADR230652, BSPM241252
7.	FAPR322052	Đồ án thiết kế thời trang nam	2	
8.	FAPR322152	Đồ án thiết kế thời trang nữ	2	
9.	FAPR422252	Đồ án thiết kế thời trang ấn tượng	2	FDDF341752
10.	FSOR332652	Tổ chức show diễn	3(2+1)	
11.	PRST312952	Chuyên đề thực tế	1	
12.	SEMI310026	Chuyên đề doanh nghiệp	1(*)	
Tổng			27	

7.2.2.b Kiến thức chuyên ngành (các học phần thực hành xưởng, thực tập công nghiệp)

A. Định hướng công nghệ

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
Chuyên ngành thực hành xưởng				
1.	PADI331152	TH vẽ minh họa thời trang nâng cao	3	BAIL131052, Tách nhóm TH
2.	PADW223152	TH hình họa nâng cao	2	BDRA130852 Tách nhóm TH
3.	PACD321652	TH thiết kế phụ trang	2	BASP233452

				Tách nhóm TH
4.	PBSE113352	TH may căn bản	1	Tách nhóm TH
5.	BASP233452	TH may trang phục căn bản	3	PBSE113352 Tách nhóm TH
6.	AASP333552	TH may trang phục nâng cao	3	BASP233452 Tách nhóm TH
Tổng			14	
Chuyên ngành thực tập tốt nghiệp				
1.	GRPR423352	Thực tập tốt nghiệp	2	Các môn TKTT
Tổng			2	

B. Định hướng mỹ thuật sáng tạo

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
Chuyên ngành thực hành xướng				
1.	PADI331152	TH vẽ minh họa thời trang nâng cao	3	BAIL131052, Tách nhóm TH
2.	PADW223152	TH hình họa nâng cao	2	BDRA130852 Tách nhóm TH
3.	PSKE323052	TH ký họa	2	Tách nhóm TH
4.	PACD321652	TH thiết kế phụ trang	2	BASP233452 Tách nhóm TH
5.	PBSE113352	TH may căn bản	1	Tách nhóm TH
6.	BASP233452	TH may trang phục căn bản	3	PBSE113352 Tách nhóm TH
7.	AASP333552	TH may trang phục nâng cao	3	BASP233452 Tách nhóm TH
Tổng			16	
Chuyên ngành thực tập tốt nghiệp				
2.	GRPR423352	Thực tập tốt nghiệp	2	Các môn TKTT
Tổng			2	

7.2.3. Tốt nghiệp

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	FPPD473752	Khóa luận tốt nghiệp	7	
Tổng			7	

B - Phần tự chọn:

Kiến thức giáo dục đại cương: 11 Tín chỉ

Khối kiến thức các môn học thuộc nhóm Tin học do khoa đề xuất: 3 TC

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	DFIL333852	Minh họa thời trang kỹ thuật số 2D	3(1+2)	BADR140552 Tách nhóm TH

Khối kiến thức các môn học thuộc nhóm Khoa học xã hội – nhân văn (*SV chọn 6 TC trong các môn học sau*):

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	IVNC320905	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	
2.	INLO220405	Nhập môn logic học	2	
3.	ENPS220591	Tâm lý học kỹ sư	2	
4.	SYTH220491	Tư duy hệ thống	2	
5.	LESK120190	Kỹ năng học tập đại học	2	
6.	PLSK120290	Kỹ năng xây dựng kế hoạch	2	
7.	WOPS120390	Kỹ năng làm việc trong môi trường kỹ thuật	2	
8.	REME320690	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	

Khối kiến thức các môn học tự chọn đại cương khác do khoa đề xuất (*SV chọn 2 TC trong các môn học sau*):

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	AEST220252	Mỹ học	2	
2.	PHOG224052	Nhiếp ảnh	2(1+1)	Mời chuyên gia

Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: gồm 12 TC

Cơ sở ngành: (*Sinh viên chọn 2 TC học phần theo chuyên ngành*)

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	CODA423752	Bố cục trong thiết kế mỹ thuật	2(1+1)	BADR140552
2.	COSC224352	Khoa học màu sắc	2	

Kiến thức chuyên ngành: (*Sinh viên chọn 10 TC học phần theo chuyên ngành*)

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã tiên quyết
1.	JADE325052	Đồ án thiết kế áo khoác	2	FUFA220452, BSPM241252
2.	CWDP324752	Đồ án thiết kế thời trang trẻ em	2	FUFA220452, BSPM241252
3.	SWFD324852	Đồ án thiết kế thời trang thể thao	2	FUFA220452, BSPM241252
4.	FABR325152	Xây dựng thương hiệu	2	
5.	MAUP324452	Trang điểm	2(1+1)	Tách nhóm TH
6.	FAST422452	Xây dựng phong cách	2	
7.	FAPP322552	Xử lý hình ảnh thời trang	2(1+1)	nhóm TH
8.	DIFD343952	Thiết kế thời trang kỹ thuật số 3D	4(1+3)	Tách nhóm TH
9.	FDDM324252	Thiết kế mẫu thời trang 3D	2(1+1)	Tách nhóm TH
10.	PALT324552	Kỹ thuật dần trang	2(1+1)	Tách nhóm TH

11.	FAIN421352	Công nghiệp thời trang	2	
12.	FABU322752	Kinh doanh thời trang	2	
13.	PODE422352	Thiết kế Portfolio	2	
14.	ENFD325252	Anh văn chuyên ngành TKTT	2	

C – Kiến thức liên ngành:

Sinh viên có thể chọn 6 tín chỉ liên ngành để thay thế cho các môn học chuyên ngành trong phần tự chọn:

- Xem danh sách các môn học được đề xuất trong phần phụ lục, hoặc
- Sinh viên có thể tự chọn các môn học nằm ngoài danh sách được đề xuất trên tinh thần các môn học hỗ trợ hướng phát triển nghề nghiệp sau này. SV nên nhờ tư vấn thêm từ Ban tư vấn để có sự lựa chọn phù hợp.

D – Các môn học MOOC (Massive Open Online Courses):

Nhằm tạo điều kiện tăng cường khả năng tiếp cận với các chương trình đào tạo tiên tiến, SV có thể tự chọn các khóa học online đề xuất trong bảng sau để xét tương đương với các môn học có trong chương trình đào tạo:

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Môn học được xét tương đương MOOC (đường link đăng ký)
1.	BSPM241252	Thiết kế rập căn bản	4(1+3)	
2.	ACDE321952	Thiết kế phụ trang	2(1+1)	Fashion Accessories http://www.arts.ac.uk/fashion/courses/short-courses/online-courses
3.	BAIL131052	Vẽ minh họa thời trang cơ bản	3(1+2)	Fashion Illustration http://www.arts.ac.uk/fashion/courses/short-courses/online-courses
4.	TDFE121552	Vẽ kỹ thuật thiết kế thời trang	2(1+1)	Fashion Design Technical Drawing https://www.fashionexpresslearning.co.uk/online-fashion-tech.aspx
5.	BADR140552	Vẽ mỹ thuật căn bản	3(1+2)	
6.	AADR230652	Vẽ mỹ thuật nâng cao	3(1+2)	

8. Kế hoạch giảng dạy

Các môn không xếp vào kế hoạch giảng dạy, Phòng Đào tạo sẽ mở lớp trong các học kỳ để sinh viên tự lên kế hoạch học tập:

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	LLCT120205	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	
2.	LLCT120405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
3.	LLCT120314	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4.	LLCT220514	Lịch sử Đảng CSVN	2	LLCT130105 LLCT120205 LLCT120405 LLCT120314
5.		Giáo dục thể chất 2	1(*)	
6.		Giáo dục thể chất 3	1(*)	

7.	ENCS140026	Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh 1	4(*)	
8.	ENCS240026	Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh 2	4(*)	
9.		Giáo dục quốc phòng (1, 2, 3, 4)	4(*)	
		Tổng	8	

Học kỳ 1:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	GELA220405	Pháp luật đại cương	2	
2.	MATH133401	Toán ứng dụng	3	
3.	BADR140552	Vẽ mỹ thuật căn bản	3(1+2)	
4.	ITFD130352	Nhập môn ngành TKTT	3(2+1)	
5.	BDRA130852	Hình họa cơ bản	3(1+2)	
6.	PBSE113352	TH may căn bản	1	
7.	ARTH130152	Lịch sử mỹ thuật	3	
8.	PHED110130	Giáo dục thể chất 1 (điền kinh)	1(*)	
		Tổng	18	

Học kỳ 2:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	LLCT130105	Triết học Mác - Lênin	3	Không
2.	BAIL131052	Vẽ minh họa thời trang cơ bản	3(1+2)	Không
3.	AADR230652	Vẽ mỹ thuật nâng cao	3(1+2)	BADR140552
4.	FAMA131152	Vật liệu thời trang	3	Không
5.	TDFF121552	Vẽ kỹ thuật thiết kế thời trang	2(1+1)	Không
6.	Chọn 2 trong số các môn học (KHXXH-NV)		4	
		Tổng	18	

Học kỳ 3:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước, MH tiên quyết
Đợt 1 (9 tuần)				
1.	FUFA220452	Nền tảng thiết kế thời trang	2(1+1)	BAIL131052, TDFF121552
2.	IDDE221252	Nghiên cứu phát triển ý tưởng TKTT	2(1+1)	BAIL131052, TDFF121552
3.	PRVI220752	Nguyên lý thị giác	2(1+1)	Không
4.	PADW223152	TH hình họa nâng cao	2	BDRA130852
5.	BSPM241252	Thiết kế raster căn bản	4(1+3)	Không
Đợt 2 (9 tuần)				
6.	WCHI120252	Lịch sử trang phục 1	2	Không
7.	BASP233452	TH may trang phục căn bản	3	PBSE113352
		Tổng	17	

Học kỳ 4:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước, MH tiên quyết
----	-------	--------	-------	-------------------------------

Đợt 1 (9 tuần)				
1.	PADI331152	TH vẽ minh họa thời trang nâng cao	3	BAIL131052
2.	ADPM241652	Thiết kế rập nâng cao	4(1+3)	BSPM241252
3.	Chọn 1 trong các môn học (KTGD đại cương khác do khoa đề xuất)		2	
Đợt 2 (9 tuần)				
4.	AASP333552	TH may trang phục nâng cao	3	BASP233452
5.	MAHA241452	Xử lý chất liệu	4(1+3)	
6.	FAPR322052	Đồ án thiết kế thời trang nam	2	
	Tổng		18	

Học kỳ 5A:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước, MH tiên quyết
Đợt 1 (9 tuần)				
1.	ECHI220352	Lịch sử trang phục 2	2	
2.	DFIL333852	Minh họa thời trang kỹ thuật số 2D	3(1+2)	
3.	UNID324652	Thiết kế đồng phục	2(1+1)	ADPM241652
4.	Chọn 1 trong số các môn học (KHXXH-NV)		2	
Đợt 2 (9 tuần)				
5.	FDDF341752	Thiết kế thời trang trên dressform	4(1+3)	
6.	FAPR322152	Đồ án thiết kế thời trang nữ	2	
7.	Chọn 1 trong các môn học (KTGD cơ sở ngành)		2	
Tổng			17	

Học kỳ 5B:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước, MH tiên quyết
Đợt 1 (9 tuần)				
1.	ECHI220352	Lịch sử trang phục 2	2	
2.	DFIL333852	Minh họa thời trang kỹ thuật số 2D	3(1+2)	
3.	CODW330952	Hình họa màu	3(1+2)	PADW223152
4.	Chọn 1 trong số các môn học (KHXXH-NV)		2	
Đợt 2 (9 tuần)				
5.	FDDF341752	Thiết kế thời trang trên dressform	4(1+3)	
6.	FAPR322152	Đồ án thiết kế thời trang nữ	2	
7.	Chọn 1 trong các môn học (KTGD cơ sở ngành)		2	
Tổng			18	

Học kỳ 6A:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước, MH tiên quyết
Đợt 1 (9 tuần)				
1.	ACDE321952	Thiết kế phụ trang	2(1+1)	FUFA220452, AADR230652, BSPM241252
2.	PACD321652	TH thiết kế phụ trang	2	BASP233452
3.	SEMI310026	Chuyên đề doanh nghiệp	1(*)	

4.	Chọn 2 trong các môn học KTGD chuyên ngành		4	
Đợt 2 (9 tuần)				
5.	PRST312952	Chuyên đề thực tế	1	
6.	CAFD341852	Thiết kế rập trên máy tính	4(1+3)	ADPM241652
7.	FSOR332652	Tổ chức show diễn	3(2+1)	Không
Tổng			16	

Học kỳ 6B:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước, MH tiên quyết
Đợt 1 (9 tuần)				
8.	ACDE321952	Thiết kế phụ trang	2(1+1)	FUFA220452, AADR230652, BSPM241252
9.	PACD321652	TH thiết kế phụ trang	2	BASP233452
10.	PSKE323052	TH ký họa	2	
11.	SEMI310026	Chuyên đề doanh nghiệp	1(*)	
	Chọn 1 trong các môn học KTGD chuyên ngành		2	
Đợt 2 (9 tuần)				
12.	PRST312952	Chuyên đề thực tế	1	
13.	FAPR422252	Đồ án thiết kế thời trang ấn tượng	2	FDDF341752, BAIL131052, MAHA241452
14.	FSOR332652	Tổ chức show diễn	3(2+1)	
	Chọn 1 trong các môn học KTGD chuyên ngành		2	
Tổng			16	

Học kỳ 7A:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước, MH tiên quyết
Đợt 1 (9 tuần)				
1.	Chọn 2 trong các môn học KTGD chuyên ngành		4	
2.	GRPR423352	Thực tập tốt nghiệp	2	Các môn TKTT
Đợt 2 (9 tuần)				
3.	FMAK433652	Marketing thời trang	3	Không
4.	Chọn 1 trong các môn học KTGD chuyên ngành		2	
Tổng			11	

Học kỳ 7B:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước, MH tiên quyết
Đợt 1 (9 tuần)				
5.	Chọn 2 trong các môn học KTGD chuyên ngành		4	
6.	GRPR423352	Thực tập tốt nghiệp	2	Các môn TKTT

Đợt 2 (9 tuần)				
7.	CWRM423252	Sáng tạo tác phẩm vật liệu thời trang tái chế	2	AADR230652 PADI331152
8.	Chọn 1 trong các môn học KTGD chuyên ngành		2	
Tổng			10	

Học kỳ 8:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	FPPD473752	Khóa luận tốt nghiệp	7	
Tổng			7	

9. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần

A. PHẦN BẮT BUỘC

9.1 Kiến thức giáo dục đại cương

01. Toán ứng dụng

3

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cấp số dòng tiền, tập hợp và logic, lý thuyết xác suất, biến ngẫu nhiên và luật phân phối xác suất, phương pháp thu thập và trình bày dữ liệu, lý thuyết mẫu, các phương pháp mô tả số liệu và một số bài toán thống kê. Qua đó rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng: hiểu biết chính xác về dòng tiền, tư duy và lập luận hợp lý, chặt chẽ; xác định đúng thực nghiệm và biến cố có tính ngẫu nhiên; tính toán được khả năng xảy ra của biến cố ngẫu nhiên; ứng dụng kiến thức về biến ngẫu nhiên và thống kê toán học để giải quyết một số vấn đề có liên quan đến số liệu thống kê trong giáo dục, sản xuất, kinh tế, dinh dưỡng,... Học phần cũng giới thiệu các khái niệm tỷ lệ vàng, hình chữ nhật vàng, elip vàng, similar geometry, fractal geometry,... được ứng dụng trong thiết kế sản phẩm, mỹ thuật, kiến trúc,...

02. Xử lý chất liệu

4(1+3)

Phân bố thời gian học tập: 4(1/3/8)

Điều kiện tiên quyết: Vật liệu thời trang

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về các kỹ thuật xử lý chất liệu thủ công như khâu, đan, móc, đính kết, in, smocking, vẽ, nhuộm, đắp vải và một vài kỹ thuật cần tới sự hỗ trợ của máy may như may ráp mảnh, may chần, độn, may rút nhún, may xếp ply.... Người học nghiên cứu các tác động của kỹ thuật xử lý đến kiểu dáng trang phục, chất liệu sử dụng... và thực hành tạo hoa văn, họa tiết trên trang phục, đồng thời sáng tạo ra các bề mặt và cấu trúc vải mới. Từ đó biết cách phối hợp các kỹ thuật để thiết kế và xử lý sáng tạo các vật liệu mới theo ý tưởng.

03. Lịch sử mỹ thuật

3

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lịch sử mỹ thuật từ thời nguyên thủy cho đến thời hiện đại của Việt Nam và thế giới. Qua đó, người học hiểu thêm về con người, các hiện vật, các tác phẩm nghệ thuật tạo hình... của từng giai đoạn lịch sử. Từ đó, có thể áp dụng các kiến thức đã học vào việc phát triển ý tưởng thiết kế thời trang.

04. Lịch sử trang phục 1

2

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về lịch sử phát triển trang phục của các nước phương Tây từ thời sơ khai đến hiện đại. Qua đó người học nghiên cứu các thiết kế trang phục từ xưa đến nay, nhấn mạnh vào việc nhận dạng các chi tiết thiết kế trên quần áo, mối quan hệ giữa xu hướng thời trang đương đại với xu hướng thời trang trong quá khứ, và những nhân tố ảnh hưởng đến trang phục qua nhiều thế kỷ như kinh tế, chính trị, xã hội.

05. Lịch sử trang phục 2

2

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về nguồn gốc xuất hiện trang phục của một số nước Châu Á đặc trưng như Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Indonesia..., đặc biệt là Việt Nam. Đồng thời, môn học cũng cung cấp cho người học các thiết kế trang phục đặc trưng của các nước thuộc Châu Phi, Châu Mỹ và Châu Đại Dương. Qua đó người học nghiên cứu, nhấn mạnh vào việc nhận diện kiểu dáng, màu sắc, hoa văn họa tiết, chi tiết thiết kế và kỹ thuật xử lý chất liệu đặc trưng trên trang phục truyền thống.

06. Hình họa cơ bản

3(1+2)

Phân bố thời gian học tập: 3(1/2/6)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về phương pháp vẽ nghiên cứu các hình khối cơ bản, đầu tượng thạch cao, tượng bán thân thạch cao. Từ đó, xây dựng cho sinh viên cách nhìn sự vật xung quanh bằng những hình khối đơn giản nhất, ứng dụng vào vẽ chuyên ngành.

07. Vẽ mỹ thuật căn bản

3(1+2)

Phân bố thời gian học tập: 3(1/2/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về màu sắc, các nguyên tắc, qui luật của một bài trang trí. Phương pháp xây dựng bố cục, cách sáng tạo họa tiết và vận dụng một cách hợp lý vào từng đối tượng nghệ thuật, đặc biệt là ngành Thiết Kế Thời Trang.

08. Vẽ minh họa thời trang căn bản

3(1+2)

Phân bố thời gian học tập: 3(1/2/6)

Điều kiện tiên quyết: Vẽ mỹ thuật, Hình họa nâng cao, Vẽ Minh họa TT CB

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng vẽ phác thảo dáng cơ thể người cơ bản, phương pháp vẽ người thời trang, nếp áo, trang phục, nhằm thể hiện ý tưởng thiết kế và đạt hiệu quả giao tiếp bằng hình ảnh trong công việc.

09. Nhập môn ngành TKTT

3(2+1)

Phân bố thời gian học tập: 3(2/1/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về Trường ĐH SPKT, Khoa TT&DL nhằm giúp sinh viên nhanh chóng làm quen và hòa nhập với môi trường mới. Bên cạnh đó, trang bị cho sinh viên những định hướng về nghề nghiệp; giúp sinh viên hiểu rõ nhiệm vụ, vai trò, trách nhiệm của người cử nhân TKTT trong tương lai. Đồng thời, giúp sinh viên xây dựng và bồi dưỡng nền tảng đạo đức nghề nghiệp cũng như rèn luyện về kỹ năng mềm.

9.2 Kiến thức giáo dục cơ sở ngành và nhóm ngành

01. Thiết kế rập căn bản

4(1+3)

Phân bố thời gian học tập: 4(1/3/8)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức nền tảng về thiết kế rập phẳng căn bản như: phương pháp đo ni trên cơ thể người; lựa chọn thông số cử động phù hợp với kiểu dáng sản phẩm; thiết kế dựng hình một số trang phục căn bản; phương pháp tạo mẫu căn bản nhằm hình thành khả năng phân tích sản phẩm, lựa chọn phương án và triển khai quy trình thiết kế rập phẳng phù hợp.

02. Vật liệu thời trang

3

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6))

Điều kiện tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguồn gốc, cấu tạo, tính chất, phạm vi ứng dụng của các loại vật liệu thời trang đang được sử dụng rộng rãi trong thực tế sản xuất ngành may thời trang. Đồng thời môn học cũng giới thiệu các quá trình hoàn tất vật liệu thời trang; hướng dẫn cách phân loại và nhận biết các loại vật liệu thời trang; đề xuất lựa chọn các vật liệu phù hợp đối với mỗi loại trang phục nhằm tăng giá trị và tính thẩm mỹ cho sản phẩm may thời trang.

03. Nguyên lý thị giác

2(1+1)

Phân bố thời gian học tập: 2(1/1/4)

Điều kiện tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ của các tín hiệu thị giác, các nguyên lý sáng tạo, các công thức và thủ pháp bố cục cơ bản cần thiết trong quá trình thiết kế các sản phẩm thời trang.

04. Nền tảng thiết kế thời trang

2(1+1)

Phân bố thời gian học tập: 2(1/1/4)

Điều kiện tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cốt lõi trong ngành thiết kế thời trang, làm nền tảng cơ sở cho những đồ án thiết kế sau này. Sinh viên được trang bị những kiến thức quan trọng như sau: Các thuật ngữ trong thời trang; thể loại trang phục, xu hướng thời trang và chu trình vận hành; các nhà thiết kế và thương hiệu; các bản vẽ thời trang; các phong cách thời trang; các nguyên lý thiết kế thời trang và cách thức vận dụng để thiết kế trang phục.

05. Nghiên cứu phát triển ý tưởng TKTT

2(1+1)

Phân bố thời gian học tập: 2(1/1/4)

Điều kiện tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về tư duy sáng tạo trong thời trang, cách thức nghiên cứu và phát triển ý tưởng để làm cơ sở cho việc thực hiện các đồ án sau này. Sau khi kết thúc học phần sinh viên có thể thực hiện hệ thống các bảng hình ảnh (research board, mood board, trend board, idea analyze board, style board, pattern board, sketch book, technical file, lookbook,...) khúc chiết và mạch lạc. Từ đó, sinh viên sẽ có khả năng thiết kế những mẫu trang phục mới thể hiện ý tưởng, mang tính sáng tạo, thẩm mỹ và phù hợp với xu hướng thời trang, nhu cầu khách hàng.

06. Vẽ mỹ thuật nâng cao

3(1+2)

Phân bố thời gian học tập: 3(1/2/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp xây dựng bố cục, màu sắc và sự ứng dụng trong lĩnh vực nghệ thuật một cách sáng tạo, vận dụng một cách hợp lý vào từng đối tượng nghệ thuật, đặc biệt là ngành Thiết kế thời trang.

9.3 Kiến thức giáo dục chuyên ngành

01. Vẽ kỹ thuật thiết kế thời trang

2(1+1)

Phân bố thời gian học tập: 2(1/1/4)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về vẽ kỹ thuật trong thiết kế trang phục, phân tích được các bản vẽ kỹ thuật. Đồng thời, sinh viên được thực hành vẽ mô tả phẳng các loại trang phục và hoàn thiện bản vẽ kỹ thuật các chi tiết sản phẩm trong thiết kế thời trang.

- 02. Thiết kế rập nâng cao** **4(1+3)**
Phân bố thời gian học tập: 4(1/3/8)
Điều kiện tiên quyết: Không.
Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức nâng cao về thiết kế rập phẳng cũng như các phương pháp tạo mẫu phức tạp. Đồng thời, học phần cũng hướng dẫn người học xây dựng quy trình lắp ráp nhằm hiện thực hóa các bản vẽ thiết kế thành các sản phẩm thời trang.
- 03. Thiết kế thời trang trên dressform** **4(1+3)**
Phân bố thời gian học tập: 4(1/3/8)
Điều kiện tiên quyết: thiết kế rập phẳng căn bản
Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức và hướng dẫn sinh viên thực hành thiết kế, cắt dựng mẫu trực tiếp trên dressform, mà không cần sử dụng công thức như cắt may thông thường. Môn học bao gồm hai nội dung chính: kỹ thuật quần vải và kỹ thuật tạo hình rập 3D. Môn học sẽ hướng sinh viên đến lối tư duy sáng tạo kết hợp giữa nghệ thuật và kỹ thuật trong thiết kế thời trang.
- 04. Thiết kế rập trên máy tính** **4(1+3)**
Phân bố thời gian học tập: 4(1/3/8)
Điều kiện tiên quyết: Thiết kế rập phẳng căn bản
Tóm tắt nội dung học phần: Học phần hướng dẫn cho người học cách vận dụng và phương pháp thực hiện các chức năng của hệ phần mềm Accumark trong quá trình thiết kế rập 2D nhằm đáp ứng nhu cầu triển khai sản xuất trong thực tế. Bên cạnh đó, học phần còn hướng dẫn sinh viên cách thiết lập mẫu 3D bằng phần mềm Vstitcher phục vụ cho công tác tiếp thị sản phẩm trang phục và tiết kiệm chi phí thử nghiệm mẫu.
- 05. Thiết kế phụ trang** **2(1+1)**
Phân bố thời gian học tập: 2(1/1/4)
Điều kiện tiên quyết: Nền tảng thiết kế thời trang, Vẽ mỹ thuật
Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lịch sử phụ trang, thiết kế các loại phụ kiện thời trang như nón, túi xách, trang sức, giày dép... đồng thời hướng dẫn sinh viên các nguyên tắc phối hợp phụ kiện phù hợp với trang phục.
- 06. Hình họa màu** **3(1+2)**
Phân bố thời gian học tập: 3(1/2/6)
Điều kiện tiên quyết: Hình họa cơ bản, TH Hình họa nâng cao
Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về chất liệu như màu nước, phấn màu, chì màu,... và vận dụng chúng vào nghiên cứu trên hình dáng trên manequin, trên người mẫu thật.
- 07. Đồ án thiết kế thời trang nam** **2**

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Nền tảng thiết kế thời trang, Vẽ minh họa TT

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về thiết kế thời trang dành cho nam và hỗ trợ người học thực hiện hoàn chỉnh một BST thời trang nam.

08. Đồ án thiết kế thời trang nữ

2

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Nền tảng thiết kế thời trang, Vẽ minh họa TT

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về các phong cách thời trang nữ, phương pháp sáng tạo các dạng trang phục nữ. Từ đó, hỗ trợ người học thực hiện hoàn chỉnh một bộ sưu tập thời trang nữ.

09. Đồ án thiết kế thời trang ấn tượng

2

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Nền tảng thiết kế thời trang, Thiết kế thời trang trên dressform, Vẽ minh họa TT

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về các phong cách thời trang ấn tượng, phác thảo dáng ấn tượng, phương pháp sáng tạo trang phục ấn tượng và ứng dụng của phong cách ấn tượng. Đồng thời, môn học còn góp phần củng cố kiến thức cho sinh viên về kỹ thuật thiết kế trên mannequin, kỹ thuật dựng hình thời trang và xử lý chất liệu. Từ đó, hỗ trợ sinh viên thực hiện hoàn chỉnh một bộ sưu tập ấn tượng.

10. Thiết kế đồng phục

2

Phân bố thời gian học tập: 2(1/1/4)

Điều kiện tiên quyết: Nền tảng thiết kế thời trang, Đồ án thiết kế thời trang nam, Đồ án thiết kế thời trang nữ, Thiết kế thời trang trên dressform

Thiết kế rập căn bản

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về các thể loại đồng phục, phương pháp thiết kế sáng tạo đồng phục và những ứng dụng thiết kế đồng phục trong thực tiễn. Từ đó, hỗ trợ người học thực hiện hoàn chỉnh một bộ sưu tập đồng phục cho một ngành nghề đặc thù hoặc một đơn vị, tổ chức hoặc một nhóm cá nhân.

11. Marketing thời trang

3

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về thị trường thời trang, nhu cầu và hành vi người tiêu dùng trong thị trường thời trang; hiểu biết và phân tích các yếu tố môi trường marketing tác động đến hoạt động marketing của doanh nghiệp kinh doanh thời trang; có kiến thức cơ bản về chiến lược phân khúc – lựa chọn và định vị thị trường mục tiêu, chiến lược marketing – mix: sản

phẩm, định giá, kênh phân phối sản phẩm và truyền thông marketing tích hợp sản phẩm hoặc thương hiệu thời trang. Cuối cùng sinh viên có thể xây dựng kế hoạch marketing cho sản phẩm hoặc thương hiệu thời trang.

12. Tổ chức show diễn

3(2+1)

Phân bố thời gian học tập: 3(2/1/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về cách thức lập kế hoạch tổ chức show diễn thời trang. Sinh viên sẽ biết cách phát triển ý tưởng, đánh giá và nhận định cơ hội, hoạch định ngân sách, tổ chức tốt show diễn thời trang. Bên cạnh đó, sinh viên còn được trang bị một số kiến thức căn bản về: Truyền thông và quảng cáo, lựa chọn địa điểm tổ chức, thiết kế sân khấu, tuyển lựa người mẫu, nghệ thuật trình diễn, âm nhạc, phong cách trang điểm, làm tóc, chụp ảnh bộ sưu tập,...

13. Chuyên đề thực tế

2

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: hoàn thành toàn bộ chương trình học chuyên ngành

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần giúp sinh viên được tham quan, học tập kinh nghiệm ở các làng nghề dệt, in, thêu... để tìm hiểu phương pháp thực hiện cũng như về các đặc trưng hoa văn trang trí. Từ đó, hình thành tư duy sáng tạo và thái độ làm việc chuyên cần, tỉ mỉ trong thiết kế và xử lý chất liệu thời trang.

14. TH ký họa

2

Phân bố thời gian học tập: 2(0/2/4)

Điều kiện tiên quyết: Vẽ mỹ thuật, Hình họa nâng cao

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp các kiến thức về vẽ nét (ký họa) ký họa nhanh, ký họa diễn sâu, các bút pháp, đường nét, các chất liệu vẽ và thủ pháp bố cục cơ bản cần thiết trong quá trình luyện vẽ ký họa vóc dáng nhân vật.

15. TH hình họa nâng cao

2

Phân bố thời gian học tập: 2(0/2/4)

Điều kiện tiên quyết: Hình họa cơ bản

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sâu về các tượng bán thân, toàn thân, được thể hiện dưới dạng tượng vật mảng, tượng lột da, tượng nữ, tượng nam thạch cao... Từ đó, sinh viên có cách nhìn sự vật xung quanh bằng những hình khối đơn giản nhất, ứng dụng vào vẽ chuyên ngành.

16. TH vẽ minh họa thời trang nâng cao

3

Phân bố thời gian học tập: 3(0/3/6)

Điều kiện tiên quyết: Vẽ mỹ thuật, Hình họa nâng cao, Vẽ Minh họa TT CB

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về phối màu phác thảo dáng thời trang nhằm thể hiện ý tưởng thiết kế sáng tạo, phương pháp phát triển từ thực tế, mô phỏng hình tượng ý tưởng bằng mô hình thu nhỏ.

17. TH thiết kế phụ trang **2**

Phân bố thời gian học tập: 2(0/2/4)

Điều kiện tiên quyết: Nền tảng thiết kế thời trang, Vẽ mỹ thuật

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên kỹ năng thực hành thiết kế các loại phụ kiện thời trang như nón, túi xách, trang sức, giày dép và cách phối hợp phụ kiện phù hợp với trang phục.

18. TH may căn bản **1**

Phân bố thời gian học tập: 1(0/1/2)

Điều kiện tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức thiết kế các chi tiết căn bản, các đường may tay, may máy cơ bản được ứng dụng trên các sản phẩm may. Đồng thời, hướng dẫn sinh viên các kỹ thuật lắp ráp các chi tiết cơ bản trong trang phục như: các loại túi, dây kéo,... theo quy trình công nghệ và tiêu chuẩn kỹ thuật.

19. TH may trang phục căn bản **3**

Phân bố thời gian học tập: 3(0/3/6)

Điều kiện tiên quyết: TH may căn bản

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần hướng dẫn sinh viên thiết kế rập, giác sơ đồ, cắt các chi tiết bán thành phẩm và lắp ráp hoàn chỉnh các trang phục căn bản như: áo sơ mi nam, áo nữ CB, quần tây nam, chân váy. Đồng thời, sinh viên cũng rèn luyện và phát triển kỹ năng làm việc và lòng yêu nghề.

20. TH may trang phục nâng cao **3**

Phân bố thời gian học tập: 3(0/3/6)

Điều kiện tiên quyết: Thiết kế rập căn bản, TH may trang phục căn bản

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên cách thiết kế rập, giác sơ đồ, cắt các chi tiết bán thành phẩm và lắp ráp hoàn chỉnh các trang phục nâng cao như: đầm 2 lớp, áo dài tay raglan, áo jacket. Đồng thời, sinh viên cũng rèn luyện và phát triển kỹ năng làm việc và lòng yêu nghề.

21. Thiết kế đồng phục **2**

Phân bố thời gian học tập: 2(1/1/4)

Điều kiện tiên quyết: Nền tảng thiết kế thời trang, Đồ án thiết kế thời trang nam, Đồ án thiết kế thời trang nữ, Thiết kế thời trang trên dressform, Thiết kế rập căn bản

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về các thể loại đồng phục, phương pháp thiết kế sáng tạo đồng phục và những ứng dụng thiết kế đồng phục trong thực tiễn. Từ

đó, hỗ trợ người học thực hiện hoàn chỉnh một bộ sưu tập đồng phục cho một ngành nghề đặc thù hoặc một đơn vị, tổ chức hoặc một nhóm cá nhân.

22. Sáng tạo tác phẩm vật liệu thời trang tái chế **2**

Phân bố thời gian học tập: 2(1/1/4)

Điều kiện tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về tư duy sáng tạo, tái chế những vật liệu có sẵn, bỏ cục, sắp đặt những mẫu tái chế thành sản phẩm có ích, góp phần bảo vệ môi trường.

23. Thực tập tốt nghiệp **2**

Phân bố thời gian học tập: 2(0/2/4)

Điều kiện tiên quyết: hoàn thành toàn bộ môn học trong CTĐT

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên ứng dụng những kiến thức và kỹ năng đã học vào thực tế sản xuất. Sinh viên sẽ thực tập tại các doanh nghiệp chuyên về lĩnh vực may mặc thời trang và được tham gia trực tiếp vào các công đoạn sản xuất của một mã hàng thời trang bắt đầu từ khâu chuẩn bị sản xuất cho đến hoàn tất sản phẩm.

24. Khóa luận tốt nghiệp **7**

Phân bố thời gian học tập: 7(7/0/14)

Điều kiện tiên quyết: hoàn thành toàn bộ chương trình học

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức lập luận, thiết kế và trình bày một quyển đồ án tốt nghiệp từ những ý tưởng ban đầu cho đến việc hiện thực hóa sản phẩm mang tính ứng dụng đáp ứng nhu cầu thị trường trong lĩnh vực thời trang.

B. PHẦN TỰ CHỌN

9.4. Kiến thức giáo dục đại cương KHXHNV

01. Tâm lý học kỹ sư **2**

Phân bố thời gian học tập: 2(1/1/4)

Điều kiện tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về tâm lý con người và ứng dụng các kiến thức này vào thiết kế hệ thống kỹ thuật phù hợp với con người.

02. Tư duy hệ thống **2**

Phân bố thời gian học tập: 2(1/1/4)

Điều kiện tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống, phương pháp luận tư duy hệ thống, các phương pháp tư duy sáng tạo; hình thành ở sinh viên khả năng lập luận và giải quyết vấn đề một cách hệ thống, logic và sáng tạo.

03. Kỹ năng làm việc trong môi trường kỹ thuật **2**

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên một số kỹ năng làm việc cơ bản trong môi trường kỹ thuật, đặc biệt là các kỹ năng làm việc trong môi trường đa văn hóa, hiện đại, có sự thay đổi nhanh chóng về công nghệ.

04. Kỹ năng học tập đại học

2

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về phương pháp học tập ở đại học để sinh viên áp dụng rèn luyện hình thành các kỹ năng học tập ở bậc đại học, vận dụng được các kỹ năng này trong quá trình học tập ở trường đại học và sau này nhằm nâng cao hiệu quả học tập và nghiên cứu của bản thân. Qua môn học này hình thành ở người học khả năng tổ chức và thực hiện học tập một cách hệ thống, logic và khoa học.

05. Phương pháp nghiên cứu khoa học

2

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần: Trong quá trình đào tạo ở trường đại học, sinh viên không chỉ lĩnh hội tri thức từ phía giáo viên, mà học còn phải tự học và tự nghiên cứu. Từ tự giác, tích cực và sáng tạo, sinh viên sẽ tìm ra cái mới nhằm giải thích sâu sắc hay có lời giải phù hợp đó chính là sinh viên đã nghiên cứu khoa học. Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học bao gồm những nội dung về các khái niệm, qui trình và cấu trúc... Để từ đó sinh viên định hướng được việc lựa chọn đề tài nghiên cứu, soạn được đề cương và áp dụng được các phương pháp nghiên cứu trong khi thu thập và xử lý thông tin hợp lý trong khi tiến hành công trình nghiên cứu khoa học. Sinh viên sẽ chủ động trong việc đăng ký thực hiện đề tài nghiên cứu cấp trường cũng như tiến hành luận văn tốt nghiệp hay đồ án tốt nghiệp một cách khoa học và thành công.

06. Kỹ năng xây dựng kế hoạch

2

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp xây dựng kế hoạch. Hướng dẫn cho người học các kỹ năng tư duy và tìm kiếm giải pháp phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh bản thân để từ đó người học hình thành cho mình kỹ năng xây dựng kế hoạch học tập, kế hoạch cá nhân ngắn hạn và dài hạn, kế hoạch cho công việc phù hợp và hiệu quả. Ngoài ra còn hướng dẫn người học cách thức và kỹ năng quản lý thời gian và sắp xếp công việc hiệu quả.

9.5. Kiến thức giáo dục đại cương tin học

01. Minh họa thời trang kỹ thuật số 2D

3(1+2)

Phân bố thời gian học tập: 3(1/2/6)

Điều kiện tiên quyết: Nền tảng thiết kế thời trang, Vẽ mỹ thuật

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các công cụ để vẽ các bản phác thảo phẳng kỹ thuật, bản phác thảo phẳng thời trang, bản vẽ minh họa thời trang và bài trình bày thời trang trên máy tính bằng phần mềm Adobe Illustrator. Đồng thời, học phần này giúp cho sinh viên rèn luyện thái độ chuyên cần, tỉ mỉ và chuyên nghiệp trong thiết kế thời trang.

9.6. Kiến thức giáo dục đại cương khác do khoa đề xuất

01. Mỹ học

2

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về cách nhìn nhận, đánh giá thế nào là cái đẹp, mối quan hệ biện chứng giữa nội dung và hình thức, về thị hiếu thẩm mỹ, nhận thức thẩm mỹ... Từ đó áp dụng vào chuyên môn để phân tích, đánh giá các sản phẩm nghệ thuật mang tính thuyết phục cao.

02. Nhiếp ảnh

2(1+1)

Phân bố thời gian học tập: 2(1/1/4)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên hiểu được các kỹ thuật chụp ảnh cơ bản, phương pháp tạo hình cho người mẫu, cách lấy sắc độ, ánh sáng, xử lý ảnh... phục vụ cho việc thực hiện bộ ảnh trình bày các mẫu trang phục. Đây là môn học giúp người học phát triển kỹ năng hỗ trợ cho việc thực hiện các đồ án thiết kế thời trang...

9.7. Kiến thức giáo dục cơ sở ngành

01. Bố cục trong thiết kế mỹ thuật

2

Phân bố thời gian học tập: 2(1/1/4)

Điều kiện tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp kiến thức về các loại bố cục, các nguyên tắc xây dựng bố cục trang trí cơ bản và bố cục trên trang phục. Môn học cũng phân biệt các loại kiểu bóng trang phục để vận dụng vào thiết kế bố cục trên các kiểu bóng của sản phẩm thời trang.

02. Khoa học về màu sắc

2

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần giúp sinh viên có kiến thức sâu về tính chất vật lý của màu sắc, nguồn gốc, thành phần, ý nghĩa của từng loại màu mang lại. Các nguyên tắc phối màu và sự vận dụng các màu trong cuộc sống và trong nghệ thuật.

9.8. Kiến thức giáo dục chuyên ngành

25. Đồ án thiết kế thời trang trẻ em

2

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Nền tảng thiết kế thời trang, TK rập căn bản, Vẽ minh họa TT

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị các kiến thức cơ bản về những phương pháp đo, phương pháp thiết kế các chi tiết thành phẩm của trang phục trẻ em. Đồng thời môn học cũng cung cấp các phương pháp chuyển đổi ly, tạo đường decoup, đường trang trí trên sản phẩm, phương pháp lựa chọn độ cử động toàn phần phù hợp với kiểu dáng sản phẩm và hình thái cơ thể trẻ em theo từng lứa tuổi. Từ đó hỗ trợ sinh viên thiết kế và may hoàn chỉnh bộ sưu tập thiết kế trang phục trẻ em.

26. Đồ án thiết kế thời trang thể thao

2

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Nền tảng thiết kế thời trang, Vật liệu thời trang

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về trang phục thể thao, phong cách thời trang thể thao, phương pháp thiết kế trang phục mang phong cách thể thao. Người học nghiên cứu các thông tin liên quan đến môn thể thao, các chi tiết thiết kế đặc trưng trên trang phục thể thao, xu hướng để định hướng thiết kế phù hợp. Đồng thời môn học góp phần củng cố kiến thức cho sinh viên về kỹ thuật thiết kế dựng hình trên chất liệu vải dệt kim và xử lý chất liệu. Từ đó hỗ trợ người học sáng tạo và may hoàn chỉnh các mẫu thiết kế trang phục mang phong cách thể thao.

27. Đồ án thiết kế áo khoác

2

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Nền tảng thiết kế thời trang, TK rập căn bản, Vẽ minh họa TT

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị các kiến thức cơ bản về những phương pháp đo, phương pháp thiết kế các chi tiết thành phẩm của áo khoác 1 lớp và 2 lớp. Đồng thời môn học cũng cung cấp các phương pháp sáng tạo áo khoác phù hợp với kiểu dáng sản phẩm và hình thái cơ thể người. Từ đó, hỗ trợ người học thực hiện hoàn chỉnh bộ sưu tập áo khoác.

28. Thiết kế Portfolio

2

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Nền tảng thiết kế thời trang, Vẽ mỹ thuật, Vật liệu thời trang, Vẽ minh họa TT

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về cấu trúc của một đồ án môn học, hướng dẫn sinh viên thực hiện được một đề tài nghiên cứu về mặt lý thuyết từ lúc chọn lựa ý tưởng đến khi viết được đề cương chi tiết. Đồng thời môn học cũng giúp sinh viên trình bày được một Portfolio theo ý tưởng đã chọn.

29. Xây dựng phong cách

2

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết:

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghệ thuật trang điểm cơ bản. Từ đó, người học sẽ được cung cấp các kỹ năng trang điểm cần thiết cho bản thân để đáp ứng được nhu cầu làm đẹp, cải thiện sắc vóc và đáp ứng được công việc thiết kế thời trang từ trang điểm chụp hình, sàn diễn đến trang điểm ấn tượng. Ngoài ra, môn học còn rèn luyện khả năng tự học, tạo điều kiện người học phát triển đam mê sáng tạo và tự rèn luyện trở thành chuyên gia trang điểm tương lai.

30. Xử lý hình ảnh thời trang

2(1+1)

Phân bố thời gian học tập: 2(1/1/4)

Điều kiện tiên quyết:

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về phần mềm đồ họa Photoshop. Từ đó, sinh viên biết cách ứng dụng công cụ và kỹ thuật trong việc xử lý hình ảnh, dựng hình minh họa phục vụ cho quá trình nghiên cứu và phát triển mẫu thiết kế trong thời trang.

31. Thiết kế thời trang kỹ thuật số 3D

4(1+3)

Phân bố thời gian học tập: 4(1/3/8)

Điều kiện tiên quyết:

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về cách sử dụng phần mềm thiết kế thời trang tiêu chuẩn ngành Clo3D. Từ đó, sinh viên có thể chỉnh sửa thiết kế trực tiếp trên mẫu 3D để kiểm tra độ vừa vặn của chất liệu, phụ liệu, hoa văn, cũng như thay đổi màu sắc phù hợp. Đồng thời, học phần còn cung cấp cho sinh viên kiến thức tạo không gian trưng bày và sàn diễn thời trang ảo để phục vụ cho công tác quảng bá sản phẩm thời trang.

32. Thiết kế mẫu thời trang 3D

2(1+1)

Phân bố thời gian học tập: 2(1/1/4)

Điều kiện tiên quyết: Vẽ mỹ thuật

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần trang bị cho sinh viên cách thực hiện các chức năng của phần mềm Vstitcher trong quá trình kiểm tra, chỉnh sửa rập nhằm đáp ứng nhu cầu thiết lập mẫu 3D phục vụ cho công tác tiếp thị trang phục và tiết kiệm thời gian thử nghiệm mẫu.

33. Kỹ thuật dàn trang

2(1+1)

Phân bố thời gian học tập: 2(1/1/4)

Điều kiện tiên quyết: Vẽ mỹ thuật

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về dàn trang các ấn phẩm nhiều trang như tạp chí thời trang, lookbook,... bằng phần mềm Adobe Indesign. Đây là phần mềm thiết kế và trình bày có độ chính xác cao và giao tiếp tốt với các phần mềm thiết kế khác của Adobe.

34. Công nghiệp thời trang

2

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Vẽ mỹ thuật

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quan về ngành công nghiệp thời trang. Kết thúc môn học, sinh viên có khả năng trình bày và áp dụng kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và quản lý hoạt động sản xuất mặt hàng thời trang.

35. Trang điểm

2(1+1)

Phân bố thời gian học tập: 2(1/1/4)

Điều kiện tiên quyết: Vẽ mỹ thuật

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghệ thuật trang điểm cơ bản. Từ đó, người học sẽ được cung cấp các kỹ năng trang điểm cần thiết cho bản thân để đáp ứng được nhu cầu làm đẹp, cải thiện sắc vóc và đáp ứng được công việc thiết kế thời trang từ trang điểm chụp hình, sàn diễn đến trang điểm ấn tượng. Ngoài ra, môn học còn rèn luyện khả năng tự học, tạo điều kiện người học phát triển đam mê sáng tạo và tự rèn luyện trở thành chuyên gia trang điểm tương lai.

36. Xây dựng thương hiệu

2

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quát về quy trình xây dựng thương hiệu, giới thiệu các công cụ để quảng bá thương hiệu. Sau khi kết thúc môn học, Sinh viên có thể biết sơ lược về thực trạng xây dựng thương hiệu thời trang tại Việt nam và có khả năng lập kế hoạch xây dựng một thương hiệu thời trang.

37. Kinh doanh thời trang

2

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về ngành công nghiệp thời trang trong nước và trên thế giới. Sinh viên sẽ xác định và phân tích nhu cầu thị trường, đối thủ cạnh tranh chính trên thị trường kinh doanh thời trang; phân tích các cơ hội và thách thức bằng cách phân tích ngành thời trang và các doanh nghiệp để từ đó xây dựng và phát triển các kế hoạch, chiến lược và các giải pháp cho những thách thức và cơ hội hiện tại mà các doanh nghiệp thời trang phải đối mặt.

38. Anh văn chuyên ngành TKTT

2

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Vẽ mỹ thuật

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên vốn từ vựng tiếng Anh chuyên ngành Thiết kế thời trang. Bên cạnh đó, những cụm từ và cấu trúc câu giao tiếp tiếng Anh cũng sẽ được cung cấp nhằm giúp người học phát triển khả năng đọc hiểu các tài liệu tiếng Anh chuyên ngành Thiết kế thời trang cũng như nâng cao kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong môi trường hội nhập quốc tế.

10. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

10.1. Các xưởng, phòng thí nghiệm và các hệ thống thiết bị thí nghiệm quan trọng

STT	Tên xưởng/phòng	Số lượng
1	Xưởng hình họa 1	01
2	Xưởng hình họa 2	01
3	Xưởng thiết kế thời trang	01
4	Xưởng may	07
5	Xưởng công nghệ	01
6	Phòng thí nghiệm vật liệu dệt	01
7	Phòng nghiên cứu và phát triển mẫu (R&D)	01

10.2. Thư viện, trang Web

STT	Thư viện, trang WEB	Ghi chú
1	Thư viện	Sử dụng thư viện trường
2	Tủ sách chuyên ngành Khoa TT và DL	Sách chuyên ngành CN may & TKTT
3	www.vinatex.com.vn	Giới thiệu về ngành may mặc Việt Nam và thường xuyên cập nhật các thông tin về ngành
4	www.textileasia-business.com	Cung cấp các thông tin về ngành vải sợi may mặc tại khu vực châu Á, những bài báo, tin tức liên quan
5	www.vogue.com	Cung cấp thông tin, bài viết về các xu hướng thời trang thế giới
6	www.fashion-era.com	Cung cấp thông tin, bài viết về lịch sử thời trang
7	www.fashion.net	Cung cấp thông tin về các xu hướng thời trang mới nhất, thông tin về các nhà thiết kế nổi tiếng
8	www.ftv.com	Cung cấp thông tin về các xu hướng thời trang
9	www.fashiontrendsetter.com	Cung cấp thông tin về các xu hướng thời trang
10	www.vmode.vn	Cung cấp thông tin về các xu hướng phát triển ngành
11	www.thoitrang.com	Giới thiệu các mẫu mã thời trang thuộc nhiều loại trang phục khác nhau
12	www.stylist.vn	Giới thiệu các phong cách thời trang khác nhau
13	www.fashioncampus.it	Cung cấp thông tin về các xu hướng thời trang mới nhất
14	www.elle.com	Cung cấp thông tin về các xu hướng thời trang mới nhất

10.3. Đường link các chương trình đào tạo của các trường nước ngoài

<https://www.academyart.edu/degree/fashion-design/?degree=bfa>

<https://ap-arts.be/en/programme-fashion>

<https://www.burg-halle.de/en/design/fashion-design/fashion/>

<https://www.arts.ac.uk/colleges/london-college-of-fashion/courses/undergraduate-courses>

<https://www.scad.edu/academics/programs/fashion/degrees/bfa>

<https://www.nafa.edu.sg/>

<http://www.bunka-fc.ac.jp/en/programs.html>

11. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- a. Chương trình đào tạo được triển khai theo quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Bộ GD&ĐT và của trường ĐH SPKT Tp.HCM.

Giờ quy định tính như sau:

1 tín chỉ = 15 tiết giảng dạy lý thuyết hoặc thảo luận trên lớp
 = 30 giờ thí nghiệm hoặc thực hành
 = 45 giờ tự học
 = $45 \div 90$ giờ thực tập tại cơ sở.
 = $45 \div 60$ giờ thực hiện đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

Số giờ của môn học là bội số của 15.

- b. Chuẩn đầu ra ngoại ngữ được Hội đồng Khoa học Đào tạo trường quyết định vào đầu các khóa tuyển sinh. Trong thời gian học tập, Nhà trường sẽ kiểm soát sự phát triển trình độ ngoại ngữ của sinh viên qua từng năm học để quyết định số tín chỉ các môn học trong học kỳ mà SV được phép đăng ký. SV có thể tự học hoặc đăng ký theo học chương trình phát triển năng lực ngoại ngữ theo đề án của Nhà trường.

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

PHỤ LỤC CÁC MÔN HỌC LIÊN NGÀNH

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Lưu ý
1	SSRC220451	Hệ thống cơ sở trang phục	2	CN May
2	PSFD320951	Tâm lý học kinh doanh	2	CN May
3	SDTF226051	Phát triển bền vững trong dệt may	2	CN May
4	APIE324951	Xuất nhập khẩu hàng may mặc	2	CN May
5	IGTN426151	Đàm phán kinh doanh hàng may mặc	2	CN May
6	SHTT224156	Luật sở hữu trí tuệ	2	Thiết kế đồ họa
7	PRGD323556	Phối cảnh thiết kế, quảng cáo, minh họa	2(1+1)	Thiết kế đồ họa
8	BRDE434056	Thiết kế 3 (ấn phẩm nhận diện thương hiệu)	3(1+2)	Thiết kế đồ họa
9	CADE434556	Thiết kế 9 (thiết kế lịch, thiệp)	3(1+2)	Thiết kế đồ họa
10	ADDE434656	Thiết kế 10 (thiết kế quảng cáo)	3(1+2)	Thiết kế đồ họa
11	TYPO443956	Nghệ thuật chữ	4(2+2)	Thiết kế đồ họa
12	BPLA121808	Kế hoạch khởi nghiệp	2	Thương mại điện tử